

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2019

“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Thi;

2. Bà Hà Mộng Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ Tr, sinh năm 1991; địa chỉ: số 01, tổ 32, khóm C, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bi đơn: Anh Bùi Hoàng H, sinh năm 1983; địa chỉ: số 01, tổ 32, khóm C, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị Mỹ Tr trình bày:

Chị Tr và anh H tự nguyện tìm hiểu và chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp. Năm 2015 anh H bỏ đi không rõ thời điểm trở về. Chị Tr đã nhiều lần tìm

kiếm nhưng không liên lạc được với anh H nên chị Tr đã yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc tuyên bố anh H mất tích để bổ sung hồ sơ ly hôn và được Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý giải quyết theo Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 07/8/2018. Nay tình cảm giữa chị Tr và anh H không còn nên chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Tr và anh H có 01 (một) con chung tên Bùi Sỹ L, sinh ngày 22/7/2011, hiện nay con chung đang sống cùng chị Tr nên chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Tr xin vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Tr xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Anh Bùi Hoàng H đã bỏ địa phương đi từ năm 2015 cho đến nay. Theo Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc tuyên bố anh H mất tích theo yêu cầu của chị Tr. Trên cơ sở Quyết định nêu trên, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng anh H không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án và vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án.

Kết quả xác minh tại Ban khóm Châu Châu Long 2, anh H có cư trú tại tổ 32, khóm Châu Long 2, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang nhưng không đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên. Anh H bỏ địa phương đi từ năm 2015 cho đến nay, không rõ anh H đi đâu. Chị Tr và anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B ngày 15/02/2011. Trong thời kỳ hôn nhân, chị Tr và anh H có 01 (một) con chung tên Bùi Sỹ L, sinh ngày 22/7/2011, hiện nay con chung đang sống cùng chị Tr.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích đến nay không thấy trở về, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc giải quyết vụ án: Nhận thấy giữa chị Phan Thị Mỹ Tr và anh Bùi Hoàng H có đăng ký kết hôn nên xem là hôn nhân hợp pháp. Chị Tr và anh H bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh H bỏ địa phương đi đâu không rõ. Tình cảm của chị Tr đối với anh H không còn. Anh Bùi Hoàng H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 07/8/2018. Căn cứ vào kết quả xác minh tại Ban nhóm Châu Long 2, cũng như từ khi Tòa án tuyên bố mất tích đến nay Anh H không thấy trở về không còn sống chung với nhau. Do đó, việc chị Tr yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, Chị Tr đang nuôi dạy con chung Bùi Sỹ L, sinh ngày 22/7/2011 nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp, chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Hoàng H, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; đương sự đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn bà chị Phan Thị Mỹ Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Hoàng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Tr, anh H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011, chị Phan Thị Mỹ Tr và anh Bùi Hoàng H tự tìm hiểu nhau nên tổ chức lễ cưới và chung sống chung với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc, tỉnh An Giang, quyển số 01/2011, ngày 15/02/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Anh Bùi Hoàng H được Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc tuyên bố mất tích theo quyết định số 03/QĐDS-ST ngày 07/8/2018. Chị Tr yêu cầu ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xét, cho chị Tr ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Theo đơn khởi kiện và bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do chị Tr cung cấp, chị Tr và anh H có 01 (một) con chung tên Bùi Sỹ L, sinh ngày 22/7/2011, hiện nay con chung đang sống cùng chị Tr nên chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét chấp nhận.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Mỹ Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Tr đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ Tr.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ Tr được ly hôn với anh Bùi Hoàng H.

[2] Về con chung: Chị Phan Thị Mỹ Tr được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Bùi Sỹ L, sinh ngày 22/7/2011. Anh Bùi Hoàng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Mỹ Tr phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007957 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; chị Tr đã nộp đủ án phí.

Anh Bùi Hoàng H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 15 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của chị Phan Thị Mỹ Tr và anh Bùi Hoàng H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà